

Bản án số: 124/2018/HS-PT
Ngày: 30-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hân

Các Thẩm phán: Ông Cao Quốc Chiến

Ông Phan Văn Thuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2018/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Đặng Hoàng G do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HSST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đặng Hoàng G, sinh năm: 1989. Nơi sinh: V, Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên G; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn B và bà Huỳnh Mỹ T; Vợ là Trần Thị Bích T và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại. Bị cáo có mặt.

- Bị hại có kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Mười M (S), sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp K, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang

**Trong vụ án còn có 01 bị hại không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Hoàng G là em rể của vợ chồng bà Nguyễn Thị Mười M. G có đất rẫy trồng mía ở phía sau nhà bà Mười M. Vào khoảng 11 giờ ngày 12/11/2017, Đặng Hoàng G điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68S8-3125 đi từ nhà đến nhà của bà Mười M thuộc ấp K, xã M, huyện U để ra rẫy đốt lá mía. Khi G đến thì vợ chồng bà Mười M đóng cửa nhà đi công việc riêng, còn G thì ra rẫy đốt lá mía. Đến khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày do trời mưa, G đốt lá mía không được nên đi vào nhà bà Mười M để trú mưa thì G phát hiện chìa khóa cửa sau nhà của bà Mười M để trong mũ bảo hiểm được treo ở nhà sau. G nảy sinh ý định vào nhà bà Mười M để trộm cắp tài sản nên G lấy chìa khóa mở cửa sau vào trong nhà rồi đi vào phòng ngủ của vợ chồng bà Mười M tìm kiếm tài sản để lấy trộm. G dùng tay nâng cái nệm trên giường ngủ lên thì phát hiện dưới nệm có M xấp tiền Việt Nam là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) và 01 túi vải màu đỏ, trong túi vải đựng 38 chỉ vàng 24k. G lấy tất cả số tiền và vàng bỏ vào túi quần rồi đi ra và bỏ chìa khóa lại chỗ cũ. Sau đó G điều khiển xe ra chợ M đem chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng 05 chỉ vừa trộm được đến tiệm vàng H do ông Nguyễn Văn H làm chủ, bán với số tiền là **16.800.000 đồng** (Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Sau đó G trả cho bà Ngô Thị B là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), trả cho ông Trần Thanh T là 11.400.000 đồng (Mười một triệu, bốn trăm nghìn đồng), trả cho ông Nguyễn Văn Chí là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Số tiền và vàng còn lại G đem về nhà cất giấu. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, vợ chồng bà Nguyễn Thị Mười M phát hiện bị mất trộm nên trình báo cơ quan Công an.

Đến khoảng 17 giờ ngày 15/11/2017 Đặng Hoàng G đem 33 chỉ vàng 24k và 8.400.000 đồng tiền Việt Nam đến để ngay trước cửa nhà bà Mười M nhằm mục đích để trả lại cho vợ chồng bà Mười M. Đến ngày 16/11/2017 G đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

***Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 21/KL-HĐĐ ngày 04/12/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện U, kết luận:**

- 05 (năm) chiếc nhẫn vàng 24k (loại vàng 98%), kiểu nhẫn trơn, mỗi chiếc có trọng lượng 05 chỉ, tổng cộng là 25 chỉ, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 86.250.000 đồng (Tám mươi sáu triệu, hai năm năm mươi nghìn đồng).

- 02 (hai) chiếc nhẫn vàng 24k (loại 98%), kiểu nhẫn trơn, mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ, tổng cộng là 04 chỉ, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 13.800.000 đồng (Mười ba triệu, tám trăm nghìn đồng).

- 01 (M) chiếc nhẫn vàng 24k (loại vàng 98%), kiểu nhẫn trơn, có trọng lượng 03 chỉ, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 10.350.000 đồng (Mười triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- 01 (M) chiếc nhẫn vàng 24k (loại vàng 98%), kiểu nhẫn trơn, có trọng lượng 01 chỉ, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 3.450.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- 01 (M) chiếc lắc vàng 24k (loại vàng 98%), kiểu khoen lật, có trọng lượng 05 chỉ, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 17.250.000 đồng (Mười bảy triệu, hai năm năm mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản bị xâm hại trên có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là **131.100.000 đồng** (M trăm ba mươi một triệu M trăm nghìn đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2018/HSST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Đặng Hoàng G** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Hoàng G 06 (sáu) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/3/2018, bị cáo Đặng Hoàng G có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 27/3/2018, bị hại Nguyễn Thị Mười M có đơn kháng cáo xin cho bị cáo Đặng Hoàng G được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Hoàng G thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 là đúng tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Bị hại Nguyễn Thị Mười M: Xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 6 tháng tù là đã xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy cấp sơ thẩm không áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo như đầu thú, cha bị cáo là người có công với cách mạng, bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo nhưng mức án mà cấp sơ thẩm tuyên là rất nhẹ so với hành vi phạm tội của bị cáo, đã có chiều cố cho bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Quyết định của Bản án sơ thẩm:

Vào khoảng 12 giờ 15 phút ngày 12/11/2017 Đặng Hoàng G lợi dụng lúc gia đình bà Nguyễn Thị Mười M đi vắng, tài sản không người trông giữ nên lén lút đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản. Tài sản trộm được gồm 38 chỉ vàng loại 24k (38 chỉ vàng qua giám định tại thời điểm xâm hại có giá trị là 131.100.000 đồng) và 14.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã lén lút chủ sở hữu để lấy cắp tài sản bán lấy tiền phục vụ nhu cầu cá nhân, tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 145.100.000 đồng, do đó, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và căn cứ vào giá trị tài sản trộm cắp án sơ thẩm đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo và bị hại:

Bị cáo và bị hại kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt 06 tháng tù là thỏa đáng. Tại phiên tòa phúc thẩm, tuy bị cáo có thêm các tình tiết mới mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét như sau khi phạm tội bị cáo đã đi đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cha bị cáo là người có công với cách mạng và bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nhưng xét mức án 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là mức án đầu khung hình phạt liền kề là tương xứng với hành vi phạm tội và cũng đã thể hiện sự khoan hồng đối với bị cáo. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị cáo và bị hại không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về quan điểm của Kiểm sát viên:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo và bị hại không được chấp nhận nên bị cáo và bị hại mỗi người đều phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Hoàng G 06 (sáu) tháng tù** về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo và bị hại mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 08/2018/HSST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên G không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh KG;
- Sở tư pháp tỉnh KG;
- Trại tạm giam – CA tỉnh KG;
- Bị cáo;
- TAND huyện U;
- VKSND U;
- Chi cục THADS U;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trọng Hân